TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 314/2024/HC-PT
Ngày 30-5-2024
V/v: yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tất Nam;
Các Thẩm phán: ông Võ Hồng Sơn;
ông Hồ Sỹ Hưng.

- T ký phiên tòa: ông Lương Hải Anh - Thư kí Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: ông Đào Trọng Thuyết - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 756/2023/TLPT-HC ngày 11 tháng 11 năm 2023 về yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và văn bản giải quyết đơn, do có kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đối với Bản án số 40/2023/HC-ST ngày 30-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5582/2024/QĐPT-HC ngày 13-5-2024 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: ông Phan Văn M sinh năm 1949; trú tại: thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Văn B sinh năm 1959; trú tại: nhà số 495 đường N, phường G, quận L, thành phố Hà Nội; có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thị xã A và Chủ tịch UBND thị xã A, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện hợp pháp: ông Nguyễn Văn T - Phó Chủ tịch (theo ủy quyền); đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Ủy ban nhân dân xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện hợp pháp: bà Nguyễn Thị T - Chủ tịch; đề nghị xét xử vắng mặt.

- Ông Phan Văn T sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị N sinh năm 1957; trú

tại: thôn L, xã S, thị xã T, tỉnh Bắc Ninh; đều có mặt.

- Chị Phan Thị H sinh năm 1998 và chị Phan Ngọc L sinh năm 2006; trú tại: thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh. Chị H, chị L ủy quyền cho ông Phạm Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: gia đình ông có 01 mảnh đất tại thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh, nguồn gốc do cha ông để lại. Vào năm 1994 bố mẹ ông có mua thêm của Ủy ban nhân dân (UBND) xã S 68 m^2 sau đó đã xây tường và cổng đi. Đến năm 1996 UBND xã S đến đo đạc để lập bản đồ đề nghị cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) thì thửa đất của gia đình ông có tổng diện tích 636 m^2. Năm 1998 UBND xã S lập hồ sơ đề nghị cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông có làm sai lệch hồ sơ về nguồn gốc đất của gia đình nên UBND huyện A (nay là thị xã A) đã cấp sai phần diện tích cho gia đình ông thiếu 32 m^2, chỉ cấp cho gia đình ông 604 m^2. Phần diện tích 32 m^2 này UBND xã lập hồ sơ đề nghị UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho nhà ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị N.

Việc này do UBND xã S tự lập hồ sơ giả mạo không đúng chữ ký của ông. Do vậy ông không đồng ý với việc UBND huyện A cấp GCN số BH791550 đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2, chủ sử dụng là hộ ông Phan Văn T. Vì diện tích 32 m^2 nằm trong phần diện tích 68 m^2 bố mẹ ông đã mua năm 1994. Hiện nay gia đình ông vẫn đang quan lý và sử dụng ổn định, gia đình đã xây tường bao và cổng đi. UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho hộ gia đình ông Phan Văn T theo đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông T là không đúng về đối tượng được quyền sử dụng đất cho mảnh đất số 462, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2.

Việc cấp GCNQSDĐ của UBND huyện A đã làm xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa gia đình ông và ông Phan Văn T, bà Nguyễn Thị N đã được Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm tại Bản án số 44/2022 DSPT ngày 30/5/2022, theo đó Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm đã nhận định việc UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho ông bà Phan Văn T, Nguyễn Thị N đã và đang gây ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông. Vì vậy ông đề nghị Tòa án giải quyết:

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH791550 do UBND huyện A cấp ngày 14/11/2011 đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2 cho hộ ông Phan Văn T.

- Hủy văn bản số 165/CV-TNMT ngày 14/9/2022 của UBND huyện A do Phòng Tài nguyên và Môi trường ban hành.

- Đề nghị Tòa án buộc UBND huyện A phải công nhận quyền sử dụng đất của gia đình ông, cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông theo đúng nguồn gốc đất, và hiện trạng thực tế.

- Đại diện UBND thị xã huyện A trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất: ngày 30/7/2021 Phòng TNMT đã xác minh với UBND xã S, BQL thôn L, xác định: thửa đất số 184, tờ bản đồ số 04, diện tích 32 m^2 (là một phần của thửa đất số 426 tờ bản đồ số 04) có nguồn gốc là đất thùng vũng do UBND xã quản lý trước năm 1995, sau năm 1995 thì có kê khai vào hồ sơ địa chính mang tên chủ sử dụng là Phan Văn T. Đến năm 1998 thực hiện chủ trương kê khai để cấp GCNQSDĐ thì hộ ông T đã kê khai và được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ ngày 22/12/1998.

Kết quả xác minh: UBND xã S và BQL thôn L đều không lưu giữ bất cứ tài liệu nào thể hiện việc giao bán phần diện tích 32 m^2 nêu trên cho hộ ông T.

Tại buổi làm việc ngày 08/9/2022, ông T trình bày được UBND xã thời kỳ năm 1993, kế toán là ông Phú (nay đã chết) đã bán và thu tiền của gia đình là 450.000 đồng, hiện không có bất kỳ giấy tờ nào chứng minh việc mua bán và nộp tiền như ông T trình bày. Ông M trình bày phần diện tích 32 m^2 đất này gia đình ông đang sử dụng, nằm trong diện tích BQL thôn L giao 68 m^2 theo giấy biên nhận ngày 23/8/1994. Tuy nhiên BQL thôn và UBND xã không xác định được ranh giới, vị trí 68 m^2 nằm tại vị trí nào của thửa đất nhà ông M và cũng không xác định được diện tích 32 m^2 có nằm trong diện tích 68 m^2 mà BQL thôn xác nhận năm 1994 hay không.

Về hiện trạng sử dụng đất: phần diện tích 32 m^2 đang là đất trống và gia đình ông M đang sử dụng làm lối đi.

Tại buổi làm việc ngày 08/9/2022 Phòng TNMT, Thanh tra và UBND xã S đã nghe ý kiến của gia đình ông T, ông M, đã hướng dẫn 2 gia đình hòa giải dựa trên các quy định của pháp luật, hội nghị làm việc đã thống nhất nội dung ông M đề nghị hủy GCNQSDĐ là chưa đủ cơ sở. Vụ việc tranh chấp giữa 2 hộ đã được Tòa án nhân dân huyện A xét xử tại Bản án số 10/2021/DS-ST ngày 02/11/2021; Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử tại Bản án phúc thẩm số 44/2022/DSPT ngày 30/5/2022, trong đó có nội dung "Đình chỉ yêu cầu hủy GCNQSDĐ do UBND huyện A đã cấp cho ông Phan Văn T ngày 14/11/2011 đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 04", do ông M rút đơn.

Từ các kết quả xác minh, căn cứ Điều 203 Luật đất đai và các văn bản hướng dẫn thi hành: nội dung đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp năm 2011 cho hộ ông T chưa có cơ sở để xem xét giải quyết, vì nội dung đề nghị của ông M là vụ việc tranh chấp đất đai giữa 2 hộ ông T và ông M đối với diện tích 32 m^2 đã được Nhà nước cấp GCNQSDĐ, do đó yêu cầu đề nghị của ông M thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân các cấp. Vậy UBND thị xã A đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Đại diện UBND xã S thị xã A trình bày:

Về nguồn gốc thửa đất số 183, 184, 426 tờ bản đồ số 04 đứng tên hộ ông Phan Văn T: Sổ giao nhận diện tích đất trong khu dân cư thôn L lập năm 1996 thể hiện thửa số 183, diện tích 260 m^2 mang tên Phan văn T; thửa 184 diện tích 268 m^2 mang tên Phan Văn Sỹ (có tẩy sửa); Sổ mục kê năm 2000 thể hiện thửa đất 183 diện tích 260 m^2 thửa số 184 diện tích 32 m^2, tờ bản đồ số 04 mang tên

Phan Văn T; Sổ địa chính thể hiện hộ ông Phan Văn T, Nguyễn Thị N sử dụng thửa 183 diện tích 260 m^2, thửa số 184 diện tích 32 m^2, tờ bản đồ số 04, đã được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số vào sổ là 00407. Đơn xin đăng ký cấp GCN thửa 183 diện tích 260 m^2, thửa số 184 diện tích 32 m^2 viết ngày 15/8/1998 mang tên Phan Văn T. Đến năm 2011 hộ ông T đề nghị cấp đổi GCN và hợp thửa 183, 184 thành 1 thửa, được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số BH791550, thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2 cấp ngày 14/11/2011.

Về nguồn gốc thửa đất số 204 tờ bản đồ số 04, diện tích 604 m^2 của hộ ông M: Sổ giao nhận diện tích đất trong khu dân cư thôn L lập năm 1996 thể hiện thửa số 204, diện tích 636 m^2 mang tên Phan Văn M; Sổ mục kê năm 2000 thể hiện thửa đất 204 diện tích 604 m^2 mang tên Phan Văn M; Sổ địa chính thể hiện hộ ông Phan Văn M, Nguyễn Thị Cương sử dụng thửa 204 diện tích 604 m^2, tờ bản đồ số 04 vào sổ cấp GCNQSDĐ 00400 mang tên hộ ông Phan Văn M. Đơn xin đăng ký cấp GCN thửa 204 diện tích 604 m^2, viết ngày 15/8/1998 mang tên Phan Văn M.

Việc ông M đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp cho hộ ông T, yêu cầu hủy văn bản số 165, đề nghị cấp GCNQSDĐ cho hộ ông M đúng hiện trạng, diện tích sử dụng, quan điểm của UBND xã đề nghị Tòa án tỉnh giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Ông Phan Văn T và bà Nguyễn Thị N trình bày:

Về nguồn gốc đất do các cụ để lại 260 m^2 thuộc thửa đất số 183 tờ bản đồ số 04, còn 32 m^2 thuộc thửa đất số 184 tờ bản đồ số 04 có nguồn gốc là đất ao chuôm thùng vũng của làng vợ chồng ông mua của UBND xã vào năm 1993 với số tiền khoảng 450.000 đồng, nhưng do lâu ngày giấy tờ nộp tiền vợ chồng ông, bà đã làm mất. Năm 1998 gia đình ông được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 183 tờ bản đồ số 04 diện tích 260 m^2 và thửa đất số 184 tờ bản đồ số 04 diện tích 32 m^2. Đến năm 2011 gia đình ông làm nhà do GCNQSDĐ cũ nên gia đình ông xin đổi GCNQSDĐ mới và đã được UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số BH791550, thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2. Không có gì thay đổi về diện tích của gia đình ông.

Ông T, bà N không đồng ý với việc nhà ông M yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH791550, thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2 mang tên hộ ông Phan Văn T. Đề nghị bác đơn yêu cầu khởi kiện của ông M vì không đúng. Phần diện tích 32 m^2 là của gia đình ông. Ông T và bà N không đồng ý với Bản án phúc thẩm của Tòa án tỉnh Bắc Ninh xử. Về việc khởi kiện của ông M là không có cơ sở, đề nghị Tòa án xem xét theo quy định pháp luật.

Tại Bản án số 40/2023/HC-ST ngày 30-8-2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã căn cứ vào Điều 30; Điều 32; điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính.

Căn cứ Luật đất đai 2003; Luật đất đai 2013; Luật khiếu nại;

Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai;

Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M:

1. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH791550 do Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 14/11/2011 đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2 tại thôn L, xã S, huyện A (nay là thị xã A), tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Phan Văn T.

2. Hủy Văn bản số 165/CV-TNMT ngày 14/9/2022 về việc trả lời đơn của Ủy ban nhân dân huyện A (nay là thị xã A) đối với ông Phan Văn M.

Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bắc Ninh thực hiện thủ tục hành chính theo quy định pháp luật để cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho gia đình ông Phan Văn M và Phan Văn T tại thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh theo đúng ranh giới, diện tích hiện trạng quản lý, sử dụng đất của hai hộ.

Ủy ban nhân dân thị xã A, tỉnh Bắc Ninh thực hiện nhiệm vụ, công vụ theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 31-8-2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Phan Văn T kháng cáo không đồng ý với quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người kháng cáo giữ nguyên quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận kháng cáo hủy bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M.

Đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T.

- Ý kiến của Kiểm sát viên: căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, xét thấy quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm đối với các đương sự là đúng. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được kiểm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng

Ngày 28/10/2022 ông M đã làm đơn khởi kiện đề nghị hủy GCNQSDĐ số BH791550, thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2, chủ sử dụng hộ ông Phan Văn T tại thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh, do UBND huyện A cấp ngày 14/11/2011.

Ngày 13/3/2023 ông Phan Văn M có đơn khởi kiện bổ sung đề nghị hủy GCNQSDĐ số BH791550, thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2, chủ sử dụng hộ ông Phan Văn T tại thôn L, xã S, thị xã A, tỉnh Bắc Ninh do UBND huyện A cấp ngày 14/11/2011 và hủy Văn bản trả lời đơn số 165 ngày 14/9/2022 của UBND huyện A (do Phòng TNMT huyện A ban hành) về việc trả lời đơn của ông Phan Văn M. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh thụ lí, giải quyết vụ án là đúng.

[2]. Về nội dung

- Xét tính hợp pháp của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BH791550, do UBND huyện A cấp ngày 14/11/2011 đối với thửa đất số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2 mang tên hộ ông Phan Văn T.

Về thẩm quyền: UBND huyện A cấp GCNQSDĐ cho chủ sử dụng ông Phan Văn T là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 49 Luật đất đai năm 2003.

Về trình tự, thủ tục và căn cứ cấp GCN: ngày 15/8/1998 ông Phan Văn T có đơn xin cấp GCNQSDĐ, tại "Đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 15/8/1998, ông T đã kê khai xin cấp GCN với hai thửa là: thửa 183 diện tích 260 m^2, nguồn gốc do cha ông để lại; thửa 184 diện tích 32 m^2, không ghi nguồn gốc. Việc xin cấp GCNQSDĐ đã được UBND xã xét duyệt trên bản tự kê khai của hộ ông T. Ngày 22/12/1998 UBND huyện A đã cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn T với tổng diện tích 292 m^2 trong đó thể hiện thửa 183 đất ở diện tích 260 m^2, thửa 184 đất vườn diện tích 32 m^2. Sau khi được cấp GCN, gia đình ông T không sử dụng, quản lý thửa đất số 184 diện tích 32 m^2.

Ngày 30/9/2011 gia đình ông T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi GCNQSDĐ và xin hợp nhất thửa số 183, tờ bản đồ số 04 diện tích 260 m^2 và thửa số 184, tờ bản đồ số 04 diện tích 32 m^2. Trên cơ sở đơn đề nghị của ông T, UBND huyện A đã thu hồi GCNQSDĐ cấp ngày 22/12/1998 và ngày 14/11/2011 UBND huyện A đã cấp GCNQSDĐ đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diện tích 292 m^2 tại thôn L, xã S, huyện A mang tên hộ ông Phan Văn T (sau khi nhập thửa 183, 184).

Về hồ sơ cấp GCNQSDĐ cho hộ ông T năm 2011 hiện lưu 02 đơn xin cấp GCN cùng ghi ngày 30/9/2011, trong đó 01 đơn xin đăng ký cấp GCN đối với thửa số 183, diện tích 260 m^2, nguồn gốc cha ông để lại; 01 đơn xin cấp GCN đối với 02 thửa là 183 diện tích 260 m^2, nguồn gốc cha ông để lại và thửa 184 diện tích 32 m^2, không ghi nguồn gốc đất.

Xét về nguồn gốc thửa đất của gia đình ông T: theo sổ giao nhận diện tích đất trong khu dân cư thôn L lập tháng 02 năm 1996 thể hiện thửa đất số 183 diện tích 260 m^2 mang tên Phan Văn T, thửa 184 diện tích 268 m^2 mang tên Phan Văn Sỹ đến năm 2000 tại sổ mục kê và sổ địa chính mới thể hiện thửa 184 diện tích 32 m^2 mang tên Phan Văn T.

Theo hồ sơ kỹ thuật thửa đất năm 2016 thì thửa đất của gia đình ông T là

thửa số 426, diện tích 260 m^2, nguồn gốc cha ông để lại, phần bảng kê tọa độ không có diện tích 32 m^2. Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai Tòa án nhân dân huyện A đã xem xét, thẩm định thì thửa đất số 426 của hộ ông T có diện tích 288,7 m^2. Như vậy so với GCNQSDĐ số BH791550 do UBND huyện A cấp cho hộ ông T thì thiếu 3,3 m^2, trên phần diện tích 288,7 m^2 gia đình ông T đã xây dựng công trình kiên cố có nhà trần, nhà bếp và lán bán hàng tiếp giáp với phần đất 32 m^2 do gia đình ông M đang sử dụng. Đối với diện tích 32 m^2 này gia đình ông T xác định, gia đình ông không sử dụng mà cho gia đình ông M sử dụng để trồng rau, ông T xác định diện tích đất này trước đây là thùng vũng mới được san lấp. Tại biên bản xác minh ngày 21/5/2022 đại diện UBND xã S không xác định có việc mua bán diện tích 32 m^2 cho hộ ông T hay không; ông Hà Ngọc Vinh công chức kế toán xã S không được bàn giao chứng từ, hóa đơn liên quan đến việc mua bán diện tích 32 m^2 đất của hộ ông T. Như vậy đối với ranh giới sử dụng đất của hộ ông T và hộ ông M đã được hộ ông T xây dựng từ trước năm 1980 và năm 2009 không bao gồm diện tích 32 m^2 này. Gia đình ông T tự ý kê khai đề nghị cấp GCNQSDĐ đối với 32 m^2 đất, nhưng không chứng minh được nguồn gốc sử dụng trên thực tế. Bên cạnh đó tại sổ giao nhận diện tích đất trong khu dân cư thôn L lập tháng 02 năm 1996 thì không thể hiện thửa 184 có diện tích 32 m^2 là đất thuộc quyền sử dụng của hộ ông Phan Văn T.

Như vậy UBND huyện A cấp GCNQSDĐ đối với 32 m^2 cho hộ ông T theo đơn xin cấp GCNQSDĐ của ông T vào năm 1998 là không đúng đối tượng được quyền sử dụng đất bởi hộ gia đình ông T không có bất kỳ giấy tờ gì chứng minh về quyền sử dụng 32 m^2 đất này.

- Đối với GCNQSDĐ của hộ ông M diện tích 604 m^2, nhận thấy: căn cứ vào đơn xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích của hộ ông Phan Văn M ngày 15/8/1998, UBND huyện A cấp GCNQSD đất cho hộ ông Phan Văn M với tổng diện tích 604 m^2 thửa đất số 204, tờ bản đồ số 04 tại thôn L, xã S, huyện A, trong đó ông M kê khai 240 m^2 là đất ở và 364 m^2 là đất vườn. Quá trình kê khai xin cấp GCNQSDĐ, gia đình ông M không xác định được đã kê khai diện tích 68 m^2 đã mua của thôn L năm 1994 hay chưa, do đó gia đình ông M không xác định được tổng diện tích đất thổ cư của gia đình do cha ông để lại là bao nhiêu m^2, phần diện tích đất nào mua của thôn năm 1994. Tại đơn xin đăng ký cấp GCNQSDĐ ngày 15/8/1998 ông M chỉ kê khai xin cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất 204, diện tích 604 m^2 nguồn gốc do cha ông để lại, mà chưa kê khai hết phần diện tích đất đã mua của chính quyền thôn L năm 1994.

Mặc dù, UBND xã S xác định không biết việc gia đình ông M mua 68 m^2 của thôn L và việc mua bán như vậy không đúng theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, UBND xã do ông Nguyễn Đức C là cán bộ địa chính xã đã giao cho thôn L sử dụng diện tích 68 m^2 đất thùng vũng, thôn L do ông Phạm Văn Đoài - Trưởng thôn đã giao đất và nhận số tiền 200.000 đồng của gia đình ông M, gia đình ông M đã sử dụng đất ổn định từ trước năm 1970. Theo sổ giao nhận diện tích đất ở trong khu dân cư thôn L lập tháng 02 năm 1996 thể hiện thửa đất số 204 diện tích 636 m^2 mang tên Phan Văn M. Như vậy việc ông M kê khai để cấp

GCNQSDĐ năm 1998 là thiếu phần diện tích 32 m^2 gia đình ông đã mua của thôn vì thực tế phần diện tích 32 m^2 đất này gia đình ông M vẫn sử dụng từ trước đến nay, nếu tính cả phần diện tích 32 m^2 đất này thì tổng diện tích đất gia đình ông M là 636 m^2 hoàn toàn phù hợp với diện tích đất trong sổ giao nhận diện tích đất ở trong khu dân cư thôn L lập tháng 02 năm 1996, điều này cũng đã được nhận định tại Bản án dân sự phúc thẩm số 44/2022/DSPT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh khi giải quyết việc tranh chấp phần diện tích đất 32 m^2 giữa hộ gia đình ông M và ông T. Xét nguồn gốc và quá trình sử dụng trên thực tế, ranh giới đất giữa hộ ông T và hộ ông M không có căn cứ xác định diện tích 32 m^2 đất thuộc quyền quản lý, sử dụng của hộ ông T.

Việc cấp GCNQSDĐ cho thửa số 184 diện tích 32 m^2 vào năm 1998 của UBND huyện A là không đúng dẫn đến năm 2011 khi cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ cho ông T cũng không đúng, do vậy việc ông M đề nghị hủy GCNQSDĐ số BH791550 do UBND huyện A, tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 14/11/2011 đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2 mang tên hộ ông Phan Văn T là có căn cứ.

Đối với GCNQSDĐ cấp lần đầu đối với thửa 183, 184 cho ông Phan Văn T ngày 22/12/1998 đã được UBND huyện A thu hồi vào năm 2011 khi thực hiện việc cấp cấp đổi, cấp lại GCNQSDĐ cho ông Phan Văn T.

- Xét yêu cầu hủy Văn bản số 165/CV-TNMT ngày 14/9/2022 về việc giải quyết đơn của ông M

Về trình tự, thủ tục: sau khi Bản án dân sự phúc thẩm số 44/2022/DSPT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh có hiệu lực, ông Phan Văn M có đơn gửi đến UBND huyện A (qua bộ phận tham mưu, giúp việc là Phòng TNMT huyện) "Đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện A cấp năm 2011 cho gia đình ông Phan Văn T đối với thửa số 426 tờ bản đồ số 04 diện tích 292 m^2 thuộc khu dân cư Thôn L, xã S, huyện A".

Trên cơ sở đơn đề nghị của ông Phan Văn M, UBND huyện A đã giao Phòng tài nguyên, môi trường huyện A tiến hành xác minh về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất của hộ gia đình ông Phan Văn T và Phan Văn M là đúng trình tự, thủ tục được quy định tại khoản 26 Điều 1 Nghị định 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai.

Về thẩm quyền ban hành văn bản 165: trên cơ sở kết quả xác minh, ngày 14/9/2022 Trưởng phòng tài nguyên, môi trường huyện A ban hành văn bản trả lời ông Phan Văn M là không phù hợp với quy định tại Điều 17, Điều 18 Luật khiếu nại và Điều 106 Luật đất đai năm 2013 bởi Phòng TNMT huyện A chỉ là cơ quan tham mưu, giúp việc cho UBND huyện trong lĩnh vực tài nguyên, môi trường. Thẩm quyền giải quyết khiếu nại và thu hồi, hủy bỏ GCNQSDĐ là thẩm quyền của Chủ tịch UBND và UBND cấp huyện, trong trường hợp này sau khi đã tiến hành xác minh thì Phòng TNMT huyện A phải trình người có thẩm quyền của UBND huyện A ký trả lời đơn của ông Phan Văn M, việc Trưởng

phòng TNMT huyện A ký văn bản trả lời đơn đề nghị của ông M là không đúng thẩm quyền.

Về nội dung: UBND huyện A cho rằng nội dung đề nghị hủy GCNQSDĐ cấp năm 2011 cho gia đình ông T đối với thửa đất số 426 tờ bản đồ số 04 diện tích 292 m^2 thuộc khu dân cư thôn L, xã S của ông Phan Văn M là chưa có cơ sở để xem xét giải quyết. Xét thấy khi xem xét xác minh nội dung yêu cầu đề nghị của ông Phan Văn M, Phòng TNMT huyện A đã không căn cứ vào Bản án dân sự phúc thẩm số 44/2022/DSPT ngày 30/5/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh để giải quyết yêu cầu của ông M là chưa thỏa đáng; việc UBND huyện A cấp GCNQSDĐ số BH791550 ngày 14/11/2011 đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2 cho hộ ông Phan Văn T là không đúng quy định pháp luật. Do đó nội dung văn bản số 165 ngày 14/9/2022 của Phòng TNMT huyện A không phù hợp pháp luật ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của gia đình ông M.

Ngoài ra, văn bản trả lời đơn nêu trên của UBND huyện A (do bộ phận tham mưu giúp việc là Phòng TNMT đã trả lời), giải quyết là không đúng thẩm quyền và nội dung. Do vậy, ông M đề nghị hủy Văn bản số 165/CV-TNMT ngày 14/9/2022 về việc giải quyết đơn là có căn cứ.

Như vậy, việc UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn T là không đúng về nguồn gốc đất, đối tượng quản lý, sử dụng, không đúng diện tích. Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phan Văn M về việc yêu cầu hủy GCNQSDĐ số BH791550 do UBND huyện A (nay là thị xã A) cấp ngày 14/11/2011 đối với thửa số 426, tờ bản đồ số 04, diên tích 292 m^2 tại thôn L, xã S, huyện A, tỉnh Bắc Ninh mang tên hộ ông Phan Văn T và yêu cầu hủy Văn bản số 165/CV-TNMT ngày 14/9/2022 về việc trả lời đơn của UBND huyện A là đúng. UBND thị xã A xem xét, cấp lại GCNQSDĐ cho hộ ông Phan Văn T, hộ ông Phan Văn M đúng theo ranh giới, diện tích hiện trạng quản lý, sử dụng của hai hộ theo quy định pháp luật. Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T.

[3]. Ông Phan Văn T sinh năm 1954, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên không phải nộp án phí phúc thẩm.

Bởi các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Tòng vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Bác kháng cáo của ông Phan Văn T và giữ nguyên quyết định của Bản án số 40/2023/HC-ST ngày 30-8-2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: HSVA, PHCTP.

Nguyễn Tất Nam